

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/DS-ST

Ngày 21/5/2024

“Tranh chấp di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Thuần, bà Phạm Thị Thêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2023/TLST-DS ngày 01/11/2023, về việc *“Tranh chấp di sản thừa kế”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-DS ngày 10/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐ-PT ngày 03/5/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Số 109 đường D, phường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hùng L, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Số 109 đường D, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Theo giấy ủy quyền ngày 29/12/2022 được công chứng, chứng thực tại Văn phòng công chứng A) - Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Tào Quang T, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Số 102 đường L, phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số 278A đường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Theo giấy ủy quyền ngày 04/5/2024 được công chứng, chứng thực tại Văn phòng công chứng P) - Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Tào Quang T (Tào C);

Nơi cư trú cuối cùng: Số 58 đường B, phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Văng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Bích P;

Địa chỉ: Số 370 đường P, phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Văng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N trình bày:**

Bà Nguyễn Thị Bích N là vợ của ông Tào Quang T (đã mất 2015), hai vợ chồng bà N kết hôn với nhau vào ngày 29/01/1997. Sau khi kết hôn vợ chồng bà N sống chung với bố mẹ chồng là ông Tào Quang H bà Huỳnh Thị Kiều A tại căn nhà số 29 đường T, thành phố B (Nay là số 34 đường T). Nguồn gốc căn nhà này là do bố mẹ chồng bà N nhận sang nhượng từ năm 1983. Bố mẹ chồng bà N có ba người con gồm Tào Quang T, Tào Quang T, Tào Quang T. Lúc bấy giờ bố mẹ chồng bà N đều đang lâm bệnh nặng nên không thể tự lo cho bản thân. Do đó, tất cả đều nhờ vợ chồng bà N chăm sóc, lo lắng thuốc men. Năm 2000 bố chồng bà N mất, sau đó đến năm 2002 mẹ chồng bà N cũng mất. Cả hai đều không để lại di chúc. Căn nhà này vợ chồng bà N tiếp tục ở và quản lý sử dụng. Đến năm 2004 do căn nhà đã cũ kĩ dột nát nên vợ chồng bà N đã vay mượn tiền sửa sang lại căn nhà. Vào năm 2015 chồng bà N cũng qua đời, trước khi ông T qua đời bà N đã vay mượn rất nhiều tiền để chữa vô sinh và bệnh hiểm nghèo cho chồng. Sau khi chồng bà N mất thì bà N vẫn tiếp tục ở lại lo hương khói cho chồng và bố mẹ chồng. Tuy nhiên, đến năm 2016 thì ông T có xảy ra mâu thuẫn nên không cho bà N sống ở đây nữa. Lúc đó, ông T có nói rằng sẽ gửi lại cho bà N công quản lý, chi phí sửa chữa nhà. Do đó bà N nghẹn ngào nuốt nước mắt cầm theo đồ đạc về nhà bố mẹ để ở được 01 thời gian ngắn thì bà N đi thuê nhà để ở cho đến nay. Sau khi bà N đi căn nhà này ông T cho người khác thuê lại cho đến nay. Tất cả thu nhập từ việc cho thuê một mình ông T giữ và cũng không hề hoàn trả chi phí sửa chữa, quản lý tài sản như đã cam kết trước đó.

Nhận thấy khối tài sản này là di sản chưa chia của bố mẹ chồng bà N để lại. Do bố mẹ chồng bà N không để lại di chúc nên căn cứ theo quy định của pháp luật thì khối di sản này sẽ được chia đều cho các đồng thừa kế là ba người con gồm Tào Quang T, Tào Quang T, Tào Quang T. Nay chồng bà N đã mất, vợ chồng bà N không có con. Do đó, phần di sản của chồng bà N được hưởng sẽ để lại cho bà N. Ngoài ra, vợ chồng bà N có công quản lý di sản trong thời gian dài và còn đóng góp tôn tạo, sửa chữa làm tăng giá trị di sản. Vì vậy, ngoài phần di sản mà bà N được hưởng thì các đồng thừa kế còn phải có nghĩa vụ thanh toán công sức quản lý, tôn tạo di sản cho bà N theo quy định pháp luật. Việc ông T chiếm đoạt toàn bộ khối di sản làm của riêng, một mình khai thác và hưởng lợi ích từ di sản đem lại là trái quy định pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N cũng như đồng thừa kế khác.

Đề nghị toà án xem xét cho nguyên đơn được hưởng di sản thừa kế và bà N có trách nhiệm trả cho ông T phần giá trị của ông T. Đối với phần giá trị của ông T thì bà N tiếp tục quản lý đến khi ông T về nước thì bà N có trách nhiệm giao lại cho ông T.

*** Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa ông Tào Quang T, người đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Nguyễn Văn T trình bày:**

Tôi là con trai của ông Tào Quang H (đã mất năm 2000) và bà Huỳnh Thị Kiều A (đã mất năm 2002). Lúc còn sống bố mẹ tôi có 03 người con là Tào Quang T, sinh năm: 1968; Tào Quang T, sinh năm 1970 và tôi là Tào Quang T, sinh năm: 1972.

Lúc còn sống bố mẹ tôi có tạo lập được thừa đất tọa lạc số 34 đường T, phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Hiện nay chưa có giấy tờ quyền sử dụng đất.

Sau khi bố mẹ tôi mất thì căn nhà số 34 đường T do anh Tào Quang T và chị Nguyễn Thị Bích N quản lý, sử dụng. Trong thời gian quản lý và sử dụng của hai vợ chồng thì hai vợ chồng ông T và bà N có tự ý bán một phần đất thuộc thửa đất tại số 34 đường T cho người khác. Dẫn đến việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa được. Bên cạnh đó ông T, bà N còn cho người khác thuê nhà đồng thời bán toàn bộ vật dụng, đồ gia dụng trong nhà do ông H, bà A để lại.

Năm 2015 ông Tào Quang T mất, chị Nguyễn Thị Bích N tự đi ra khỏi nhà. Nay chị N quay lại đòi chia khối di sản do bố mẹ tôi ông Tào Quang H, bà Huỳnh Thị Kiều A để lại là thừa đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 34 đường T, thành phố B thì tôi có ý kiến như sau: Tài sản này là phần di sản mà bố mẹ tôi là ông Tào Quang H, bà Huỳnh Thị Kiều A để lại. Sau khi họp bàn với anh trai là Tào Quang T thì chúng tôi cùng thống nhất bán căn nhà, giá trị căn nhà bán được bao nhiêu thì chia 3 phần cho tôi, ông Tào Quang T và bà Nguyễn Thị Bích N hưởng phần của anh tôi là ông Tào Quang T (đã chết). Nếu chị N có nguyện vọng hưởng di sản thừa kế là căn nhà 34 đường T, phường C, thành phố B thì chị N phải trả giá trị phần của tôi cho tôi và giao phần giá trị của anh T để tôi quản lý. Về giá trị tài sản theo thị trường là 6 tỷ (sáu tỷ đồng.)

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ Điều 39, 41 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điểm các Điều 613, 616, 617, 618, 651, 652 Bộ luật dân sự năm 2015; Án lệ số 06/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Bích N yêu cầu chia thừa kế là thừa đất và căn nhà tại địa chỉ 34 đường T, phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đây là tranh chấp về thừa kế tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về Thẩm quyền giải quyết vụ án: Do vụ án có yếu tố nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự có mặt của của đương sự: Đối với sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tào Quang T, là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Ông T đã xuất cảnh từ năm 2018 đến nay không rõ địa chỉ theo văn bản trả lời yêu cầu cung cấp thông tin của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an và không cung cấp địa chỉ cho các đồng thừa kế biết. Quá trình nguyên đơn khởi kiện và Tòa án thụ lý giải quyết vụ án bị đơn ông Tào Quang T đã thông báo nội dung vụ án và ông T đồng ý bán di sản của bố mẹ để lại và chia cho các đồng thừa kế. Do không thể thu thập được địa chỉ nơi cư trú của ông T ở nước ngoài nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo Án lệ số 06/2016/AL.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích P đã được triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ vào khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự 2015 thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với động sản. Bà Huỳnh Thị Kiều A chết năm 2002, ông Tào Quang H chết năm 2000 và ông Tào Quang T chết năm 2015, đến ngày 26/9/2022 bà N nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế thì thời hiệu vẫn còn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hàng thừa kế: Căn cứ vào Điều 651 BLDS năm 2015 thì hàng thừa kế thứ nhất của bà Huỳnh Thị Kiều A và ông Tào Quang H là 03 người con gồm ông Tào Quang T, ông Tào Quang T (Tào C) và ông Tào Quang T.

Ông Tào Quang T đã chết năm 2015 và không có con chung với bà N, không có con riêng. Vậy, người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông T là bà Nguyễn Thị Bích N.

[2.2] Xét phần di sản của bà Huỳnh Thị Kiều A và ông Tào Quang H để lại gồm thừa đất và căn nhà cấp 04 tại địa chỉ 34 đường T, phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Năm 1990 được Sở xây dựng tỉnh Đắk Lắk xác nhận quyền sở

hữu nhà và thửa đất tại bản trích lục ngày 05/7/1990, theo quy hoạch thì diện tích đất là 100m². Các đồng thừa kế cùng thừa nhận và đồng ý đây là tài sản duy nhất của bà A, ông H để lại và không có di chúc chia tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Theo kết luận định giá thì thửa đất và căn nhà trên có trị giá là 5.006.234.622 đồng (Trong đó: căn nhà có trị giá 206.234.622 đồng; diện tích đất 100m² có trị giá 4.800.000.000 đồng). Về hiện trạng thửa đất và căn nhà không có gì thay đổi so với bản trích lục thửa đất đã được Sở xây dựng xác nhận.

[2.3] Xét yêu cầu phân chia di sản thừa kế:

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Tào Quang H và bà Huỳnh Thị Kiều A gồm 03 người là: Ông Tào Quang T, ông Tào Quang T, ông Tào Quang T. Di sản thừa kế có tổng trị giá là 5.006.234.000 đồng, vậy kỹ phần mỗi người được hưởng là $5.006.234.622 \text{ đồng} : 3 = 1.668.744.874 \text{ đồng}$.

Ông Tào Quang T chết năm 2015, không có con chung và không có con riêng. Như vậy, bà N là vợ ông T được hưởng hưởng phần di sản mà ông T được hưởng là 1.668.744.874 đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự 2015.

[2.4] Xét yêu cầu được nhận di sản thừa kế của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N, xét thấy: Quá trình kết hôn và chung sống với ông Tào Quang T thì vợ chồng bà N sống chung cùng bố mẹ là ông Tào Quang H (đã chết năm 2000) và bà Huỳnh Thị Kiều A (đã chết năm 2002), sau khi ông H bà A chết thì vợ chồng bà N, ông T vẫn ở tại căn nhà số 34 đường T. Trong suốt thời gian này ông T đã đi nước ngoài và ông T đã lập gia đình riêng sinh sống và có nhà tại địa chỉ 102 đường L và 177 đường K, phường C, thành phố B. Năm 2015 sau khi ông T chết thì ông T lấy lại căn nhà và cho thuê đến nay, bà N về nhà bố mẹ sống một thời gian sau đó phải đi thuê nhà để ở. Hiện nay, bà N có nguyện vọng được nhận sử dụng căn nhà để ở, làm ăn và là nơi thờ phụng cha mẹ chồng và chồng. Quá trình giải quyết vụ án ông T cũng đồng ý chia thừa kế đối với nhà và đất tại số 34 đường T, đồng ý giao nhà cho bà N quản lý và sử dụng nhưng yêu cầu bà N phải trả giá trị kỹ phần hưởng thừa kế của ông T và ông T cho ông T quản lý. Xét thấy, việc ông T đồng ý giao nhà và đất cho bà N quản lý, sử dụng và bà N có nghĩa vụ trả cho ông T giá trị kỹ phần của ông T tương ứng với mỗi người thừa kế được hưởng là tự nguyện nên cần chấp nhận. Tuy nhiên, đối với yêu cầu của ông T bà N phải giao số tiền tương ứng với kỹ phần mà ông T được hưởng cho ông T quản lý là không phù hợp với quy định của pháp luật. Bởi ông Tào Quang T đã xuất cảnh đi nước ngoài và hiện nay không xác định được nơi cư trú do biệt tích đã lâu nên áp dụng theo án lệ số 06/2016/AL, thì kỹ phần mà ông T được hưởng sẽ tạm giao cho một trong những người thừa kế là bà Nguyễn Thị Bích N quản lý.

[2.5] Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Tào Quang T khai từ năm 2015 đến nay ông là người trực tiếp quản lý, sử dụng căn nhà tại số 34 đường T, phường C, Tp. B. Đến năm 2019 ông T ký hợp đồng cho bà L và bà Nguyễn Thị Bích P thuê lại căn nhà này. Tòa án đã tiến hành thông báo để đảm

bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người thuê nhà là bà L và bà P. Tuy nhiên, bà P khai biết việc yêu cầu chia thừa kế của các đương sự liên quan đến căn nhà số 34 đường T nhưng các bên không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét. Các bên không ai khởi kiện yêu cầu giải quyết đối với hợp đồng thuê nhà. Nên HĐXX không xem xét giải quyết mà tách ra thành vụ kiện riêng khi các bên có đơn yêu cầu.

[3] Về chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 2.250.000 đồng và chi phí định giá tài sản số tiền 2.250.000 đồng. Tổng số tiền là 4.500.000 đồng, ông T, ông T, bà N mỗi người phải chịu 1.500.000 đồng. Bà N đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng nên ông T, ông T mỗi người phải trả cho bà N số tiền 1.500.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 146 của Bộ luật dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bà Nguyễn Thị Bích N, ông Tào Quang T, ông Tào Quang T, mỗi người phải chịu án phí DSST theo mức tương ứng với giá trị kỷ phần di sản mà mỗi người được hưởng là 1.668.744.874 đồng. Cụ thể: 36.000.000 đồng + (3% x 868.744.874 đồng) = 62.062.346 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 146, Điều 651 và Điều 660 của Bộ luật dân sự; Các Điều 26, Điều 37, Điều 74, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Án lệ số 06/2016/AL.

- Áp dụng Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N. Xác định tài sản là căn nhà và diện tích đất 100m² tại số 34 đường T, phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã được Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk xác nhận ngày 05/7/1990 là di sản của ông Tào Quang H và bà Huỳnh Thị Kiều A.

[2] Chia di sản thừa kế như sau:

Chia cho bà Nguyễn Thị Bích N được quyền sở hữu căn nhà và được quyền sử dụng diện tích đất 100m² tại số 34 đường T, phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Nguyễn Thị Bích N có nghĩa vụ trả cho ông Tào Quang T số tiền 1.668.744.874 đồng (Một tỷ, sáu trăm sáu mươi tám triệu, bảy trăm bốn mươi bốn ngàn, tám trăm bảy mươi bốn đồng) tương ứng với kỷ phần mà ông T được hưởng.

Bà Nguyễn Thị Bích N có nghĩa vụ trả cho ông Tào Quang T số tiền 1.668.744.874 đồng (Một tỷ, sáu trăm sáu mươi tám triệu, bảy trăm bốn mươi bốn ngàn, tám trăm bảy mươi bốn đồng) tương ứng với kỷ phần mà ông T được hưởng. Giao cho bà N tiếp tục quản lý kỷ phần di sản thừa kế mà ông T được hưởng và có trách nhiệm trả lại khi ông T có yêu cầu.

[3] Tách phần hợp đồng thuê nhà của bà Nguyễn Thị Bích P để giải quyết thành vụ kiện dân sự riêng khi có đơn yêu cầu và nộp tạm ứng án phí theo quy định.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị Bích N đã nộp đủ số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng). Ông Tào Quang T, ông Tào Quang T mỗi người phải trả số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) cho bà Nguyễn Thị Bích N là chi phí tố tụng mà mỗi người phải chịu.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích N, ông Tào Quang T, ông Tào Quang T mỗi người phải chịu 62.062.346 đồng (Sáu mươi hai triệu, không trăm sáu mươi hai ngàn, ba trăm bốn mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Triết